

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	12 - 40

---

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **1. Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) (tên giao dịch là: VINH KHANH CABLE - PLASTIC CORPORATION; tên viết tắt là: VCOM) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Vĩnh Khánh (Công ty TNHH Vĩnh Khánh được thành lập theo Giấy phép thành lập số 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05 tháng 12 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Sông Bé cấp). Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02 tháng 06 năm 2003, trong quá trình hoạt động đã đăng ký thay đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 3700510650, và đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 26 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : VKC  
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 đồng.

### **2. Trụ sở hoạt động**

#### **▪ Trụ sở chính**

Địa chỉ : Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại : +84 (274) 3751 501  
Fax : +84 (274) 3751 699  
Mã số thuế : 3 7 0 0 5 1 0 6 5 0

#### **▪ Chi nhánh, văn phòng đại diện**

<b>Tên chi nhánh, văn phòng đại diện</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
- Chi nhánh quận 8	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
- Chi nhánh Tp. HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Đà Nẵng	Đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

### **3. Ngành nghề hoạt động**

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa, ống nhựa các loại;
- Sản xuất thiết bị truyền thông, chi tiết: Sản xuất điện thoại, thiết bị điện thoại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất các loại dây bện và lưới;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Bán buôn ống nhựa và phụ kiện các loại, ống gang và phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước. Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện, máy móc, thiết bị y tế);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Bán buôn bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp)).
- Sản xuất đồ điện gia dụng (chi tiết: Sản xuất quạt điện, mô tơ các loại);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (chi tiết: Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp mô tô, xe máy, lắp đặt hoặc thay thế.).

#### **4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

##### **4.1 Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Chủ tịch	28/04/2014
Ông Phạm Linh	Thành viên	28/04/2014
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên	28/04/2014
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên	26/11/2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	26/11/2016

##### **4.2 Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Minh Chi	Trưởng ban	28/04/2014
Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên	28/04/2014
Ông Võ Thiên Chương	Thành viên	28/04/2014

### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm</u>
Ông Lâm Quy Chương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2017
Ông Nguyễn Thoại Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 08/05/2014
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 29/03/2017
Ông Dương Minh Hòa	Phó Tổng Giám đốc Tài chính – KTT	Bổ nhiệm từ ngày 28/12/2015

### 5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

### 6 Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 40.

### 7 Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 8 Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

### 9 Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**TM. Hội đồng Quản trị**

---

*Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017.*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 07 năm 2017, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ***

Theo thuyết minh giao dịch với các bên liên quan mục VIII.3 – Giao dịch với Ông Lâm Quy Chương: trong kỳ Công ty có cho Ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị vay với số tiền 15.000.000.000 đồng và đã thu hồi nợ vay, tổng chi phí lãi vay phải thu lũy kế tính đến ngày 30/06/2017 là 1.196.835.768 đồng. Việc Công ty cho Ông Lâm Quy Chương vay nêu trên là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 23 Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 26/07/2012, có quy định: “4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác”.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2017.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**

---

**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1*

*Chữ ký được ủy quyền*

**Nơi nhận:**

- *Như trên.*
- *Lưu **VIETVALUES**.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>481,726,395,395</b>	<b>523,288,483,438</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>139,519,253,772</b>	<b>226,018,102,803</b>
111	1. Tiền		79,564,714,419	126,654,749,303
112	2. Các khoản tương đương tiền		59,954,539,353	99,363,353,500
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>177,897,992,951</b>	<b>134,738,767,583</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	122,630,312,800	96,448,533,102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	33,774,901,015	14,292,696,808
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	15,000,000,000	25,000,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5.1	11,508,770,442	4,396,273,822
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(5,015,991,306)	(5,398,736,149)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>158,337,023,107</b>	<b>159,653,057,164</b>
141	1. Hàng tồn kho		166,790,291,753	169,053,389,710
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(8,453,268,646)	(9,400,332,546)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>5,972,125,565</b>	<b>2,878,555,888</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	175,753,856	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5,521,453,344	2,868,186,564
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.16	274,918,365	10,369,324
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>163,081,854,778</b>	<b>152,975,091,908</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>381,928,829</b>	<b>381,928,829</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5.2	381,928,829	381,928,829
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>145,829,724,273</b>	<b>135,770,177,797</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	140,231,823,777	129,851,518,759
222	- Nguyên giá		323,211,477,806	303,639,470,124
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(182,979,654,029)	(173,787,951,365)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	2,652,283,540	2,811,420,550
225	- Nguyên giá		3,182,740,240	3,182,740,240
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(530,456,700)	(371,319,690)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	2,945,616,956	3,107,238,488
228	- Nguyên giá		7,097,402,879	7,097,402,879
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4,151,785,923)	(3,990,164,391)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>10,860,909,789</b>	<b>10,435,688,989</b>
241	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	10,860,909,789	10,435,688,989
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6,009,291,887</b>	<b>6,387,296,293</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	6,009,291,887	5,835,370,065
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	551,926,228
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>644,808,250,173</b>	<b>676,263,575,346</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>402,476,319,602</b>	<b>408,614,707,192</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>398,378,366,355</b>	<b>404,057,753,945</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	119,551,202,025	124,005,378,467
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	281,170,788	803,496,613
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	2,590,342,508	8,670,693,545
314	4. Phải trả người lao động	V.16	2,158,108,405	4,524,238,719
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	832,148,142	879,319,053
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	1,991,403,562	650,681,250
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19.1	265,554,802,717	261,737,472,351
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	5,419,188,208	2,786,473,947
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4,097,953,247</b>	<b>4,556,953,247</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19.2	4,097,953,247	4,556,953,247
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>242,331,930,571</b>	<b>267,648,868,154</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.21	<b>242,331,930,571</b>	<b>267,648,868,154</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200,000,000,000	200,000,000,000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11,384,120,000	11,384,120,000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13,924,626,068	13,924,626,068
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17,023,184,503	42,340,122,086
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8,321,007,825	2,148,979,480
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		8,702,176,678	40,191,142,606
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>644,808,250,173</b>	<b>676,263,575,346</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>520,791,900,392</b>	<b>576,526,261,323</b>
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>520,791,900,392</b>	<b>576,526,261,323</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	482,574,758,554	517,069,060,402
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>38,217,141,838</b>	<b>59,457,200,921</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	3,674,882,085	979,662,075
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	9,857,100,488	9,895,272,835
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		9,529,189,902	9,358,527,583
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	10,396,544,154	10,735,829,997
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	10,014,979,930	8,798,817,596
30	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>11,623,399,351</b>	<b>31,006,942,568</b>
31	11. Thu nhập khác	VI.7	306,185,249	333,893,588
32	12. Chi phí khác	VI.8	117,901,452	75,751,680
40	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>188,283,797</b>	<b>258,141,908</b>
50	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>11,811,683,148</b>	<b>31,265,084,476</b>
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.15	2,557,580,242	6,416,140,006
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	551,926,228	980,492,546
60	<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>8,702,176,678</b>	<b>23,868,451,924</b>
70	<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	VI.10	<b>392</b>	<b>1,652</b>
71	<b>19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)</b>	VI.11	<b>392</b>	<b>1,652</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>11,811,683,148</b>	<b>31,265,084,476</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>15,387,818,472</b>	<b>19,073,433,382</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		9,512,461,206	8,298,813,046
03	- Các khoản dự phòng		(1,329,808,743)	1,616,131,245
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(612,413,331)	416,872,828
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,711,610,562)	(616,911,320)
06	- Chi phí lãi vay		9,529,189,902	9,358,527,583
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>27,199,501,620</b>	<b>50,338,517,858</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(55,357,555,114)	(28,079,127,754)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2,263,097,957	(25,229,385,576)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(65,651,325,663)	(8,383,270,905)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(349,675,678)	(286,542,178)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8,849,041,760)	(9,276,911,332)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8,315,238,439)	(4,560,265,221)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,000,000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1,387,400,000)	(2,216,704,108)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(110,446,637,077)</b>	<b>(27,693,689,216)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(20,967,482,092)	(17,613,151,666)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	331,375,267
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15,000,000,000)	(20,000,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25,000,000,000	20,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,681,864,172	717,826,287
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(8,285,617,920)</b>	<b>(16,563,950,112)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		343,489,665,546	392,755,345,884
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(339,696,360,680)	(345,311,787,300)
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính		(434,974,500)	(434,974,500)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		28,875,075,600	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>32,233,405,966</b>	<b>47,008,584,084</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(86,498,849,031)</b>	<b>2,750,944,756</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>226,018,102,803</b>	<b>106,658,600,272</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(48,613,519)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>139,519,253,772</b>	<b>109,360,931,509</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất săm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE;
- Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại, quạt điện, mô - tơ các loại;
- Mua bán lốp xe, phụ tùng xe;
- Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô - tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện, sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các loại giấy dùng trong tôn giáo, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước.

#### **4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, toàn bộ các đơn vị này đều hạch toán chung vào văn phòng Công ty.***

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Chi nhánh Vĩnh Long	Lô C8 KCN Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.
2. Chi nhánh Tp.HCM	42/23 Trần Thiện Chánh, phường 12, quận 10, Tp.HCM.
3. Chi nhánh quận 8 – Tp. HCM	Số 01 Hồ Học Lãm, Phường 16, Quận 8, Tp. HCM
4. Chi nhánh Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng.
4. Văn phòng đại diện	Số 111D Lý Chính Thắng, quận 3, Tp.HCM.

## **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 282 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 265 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Nhật ký chung (trên máy vi tính).

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và tương đương tiền**

- Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:



### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

### **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 50 năm.

## **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị và dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	06

## **7. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản thuế

Máy móc và thiết bị

Số năm khấu hao ước tính

07 – 10

## **8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính là 25 năm

### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

## **9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## **11. Cơ sở tính và trích lương**

Công ty tính lương căn cứ vào Hợp đồng lao động với người lao động, trả lương theo thời gian.

Bộ phận văn phòng: công ty trả lương theo thời gian.

Bộ phận nhân công các xí nghiệp sản xuất: công ty trả lương theo thời gian.

## **12. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## **13. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Thành phẩm, hàng hóa của Công ty bao gồm: Cấp, nhựa và vỏ xe.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; và xác định được phần công việc đã hoàn thành;
  - Không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
  - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
  - Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
  - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

### **16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá cuối năm.

### **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

---

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.700 VNĐ/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.700 VNĐ/USD.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, tỷ giá 22.770 VNĐ/USD.

## **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### **- Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	234.862.536	367.884.851
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79.329.851.883	126.286.864.452
Các khoản tương đương tiền	59.954.539.353	99.363.353.500
<b>Cộng</b>	<b><u>139.519.253.772</u></b>	<b><u>226.018.102.803</u></b>

**1.1 Các khoản tương đương tiền**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(1)</sup>	11.682.289.303	11.404.803.692
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam <sup>(2)</sup>	30.353.135.334	50.048.998.821
- Ngân hàng TMCP Á Châu	419.114.716	409.550.987
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Tân Bình	15.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>59.954.539.353</u></b>	<b><u>99.363.353.500</u></b>

<sup>(1)</sup> Giá trị của các hợp đồng tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương được trình bày ở thuyết minh số V.19.

<sup>(2)</sup> Giá trị của các hợp đồng tiền gửi được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền là 14.299.458.392 đồng được trình bày ở thuyết minh số V.19

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu tiền bán sản phẩm, hàng hóa.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>122.630.312.800</b>	<b>96.448.533.102</b>
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức	21.680.249.921	3.316.798.334
- Công ty SMS Global Technologies INC	13.898.631.669	1.517.068.311
- Trung Tâm Cung ứng Vật tư - Viễn thông TP Hồ Chí Minh	7.570.328.710	-
- Công ty CP Vật liệu Điện và Viễn Thông Sam Cường	7.093.712.997	377.300.000
- Chi Nhánh Công ty CP Viễn Thông FPT	6.065.371.400	10.158.920.750
- Công ty TNHH Vĩnh Khanh	4.430.610.283	3.952.402.997
- Các đối tượng khác	61.891.407.820	77.126.042.710
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>122.630.312.800</u></b>	<b><u>96.448.533.102</u></b>

(\*) Các khoản nợ phải thu luân chuyển cuối năm được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn được trình bày ở thuyết minh số V.19.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>15.403.500.000</b>	-
- Lâm Quy Chương <sup>(*)</sup>	15.403.500.000	-
<b>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>18.371.401.015</b>	<b>14.292.696.808</b>
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Trang Lộc	6.078.127.565	820.037.000
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên	5.169.485.132	2.945.675.632
- Công ty CP SXTM Long Thịnh Phát	1.255.000.000	-
- Các đối tượng khác	5.868.788.318	10.526.984.176
<b>Cộng</b>	<b><u>33.774.901.015</u></b>	<b><u>14.292.696.808</u></b>

(\*) Là khoản trả trước tiền mua đất cho Ông Lâm Quy Chương – Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 218/QSDĐ/VK-LQC/17 ngày 30 tháng 05 năm 2017 với tổng số tiền là 15.403.500.000 đồng, hiện đang thực hiện thủ tục để cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên khác</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>25.000.000.000</b>
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên <sup>(1)</sup>	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phạm Thị Tiên	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH TM DV Võ Quang Đức <sup>(2)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>15.000.000.000</u></b>	<b><u>25.000.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

<sup>(1)</sup>Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 04/VK-TK/17 ngày 10/04/2017, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm.

<sup>(2)</sup>Là khoản cho vay theo HĐ tín dụng số 01/VK-QĐ/17 ngày 20/12/2017, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 5%/năm.

**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.196.835.768</b>	-	<b>692.744.768</b>	-
- Ông Lâm Quy Chương - Lãi cho vay	1.196.835.768	-	692.744.768	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.311.934.674</b>	-	<b>3.703.529.054</b>	-
- Võ Anh Tuấn - Tạm ứng	3.070.808.160	-	70.808.160	-
- Lê Hoàng Thanh - Tạm ứng	2.224.992.000	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.484.816.600	-	2.301.686.746	-
- Công ty TNHH MTV Trần Trung Kiên - Lãi cho vay	250.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	2.281.317.914	-	1.331.034.148	-
<b>Cộng</b>	<b>11.508.770.442</b>	-	<b>4.396.273.822</b>	-

**5.2 Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>381.928.829</b>	-	<b>381.928.829</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	381.928.829	-	381.928.829	-
<b>Cộng</b>	<b>381.928.829</b>	-	<b>381.928.829</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(5.398.736.149)	(5.160.328.273)
Trích lập dự phòng bổ sung	(16.003.810)	-
Hoàn nhập dự phòng	398.748.653	-
Xử lý công nợ đã lập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(5.015.991.306)</u></b>	<b><u>(5.160.328.273)</u></b>

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	57.883.496.577	(1.072.005.478)	67.504.622.310	(399.381.508)
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.056.424.682	-	4.512.822.911	-
Thành phẩm	33.605.580.664	(4.152.778.895)	48.328.448.091	(5.852.973.284)
Hàng hóa	69.244.789.830	(3.228.484.273)	48.707.496.398	(3.147.977.754)
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>166.790.291.753</u></b>	<b><u>(8.453.268.646)</u></b>	<b><u>169.053.389.710</u></b>	<b><u>(9.400.332.546)</u></b>

(\*) Giá trị hàng tồn kho luân chuyển cuối năm bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm và hàng hóa được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay được thuyết minh chi tiết tại Thuyết minh V.19.

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	175.753.856	-
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>175.753.856</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	-	-
Phát sinh trong kỳ	210.904.628	34.913.582
Phân bổ trong kỳ	(35.150.772)	(34.913.582)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>175.753.856</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	1.839.350.270	1.863.237.936
Chi phí công cụ dụng cụ	4.169.941.617	3.972.132.129
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>6.009.291.887</u></b>	<b><u>5.835.370.065</u></b>

*(\*) Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	5.835.370.065	4.909.689.091
Phát sinh trong kỳ	2.743.985.117	2.001.578.892
Phân bổ trong kỳ	(2.570.063.295)	(1.679.705.748)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>6.009.291.887</u></b>	<b><u>5.231.562.235</u></b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>TSCĐ Hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	48.924.453.125	235.140.343.328	14.139.053.011	4.853.235.506	582.385.154	303.639.470.124
Tăng trong kỳ	5.941.237.620	13.013.347.763	1.587.675.909	-	-	20.542.261.292
- Mua trong kỳ	682.784.000	13.013.347.763	1.587.675.909	-	-	15.283.807.672
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.258.453.620	-	-	-	-	5.258.453.620
Giảm trong kỳ	-	-	970.253.610	-	-	970.253.610
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	970.253.610	-	-	970.253.610
<b>Số cuối kỳ(*)</b>	<b><u>54.865.690.745</u></b>	<b><u>248.153.691.091</u></b>	<b><u>14.756.475.310</u></b>	<b><u>4.853.235.506</u></b>	<b><u>582.385.154</u></b>	<b><u>323.211.477.806</u></b>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	3.441.125.204	79.676.364.247	4.740.788.078	590.500.928	-	88.448.778.457
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	10.584.906.258	153.294.809.865	8.891.253.995	814.764.172	202.217.075	173.787.951.365
Khấu hao trong kỳ	1.179.245.858	7.926.250.384	673.823.020	334.104.915	48.532.097	10.161.956.274
Giảm trong kỳ	-	-	970.253.610	-	-	970.253.610
- Giảm do thanh lý TSCĐ	-	-	970.253.610	-	-	970.253.610
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>11.764.152.116</u></b>	<b><u>161.221.060.249</u></b>	<b><u>8.594.823.405</u></b>	<b><u>1.148.869.087</u></b>	<b><u>250.749.172</u></b>	<b><u>182.979.654.029</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Số đầu năm	38.339.546.867	81.845.533.463	5.247.799.016	4.038.471.334	380.168.079	129.851.518.759
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>43.101.538.629</u></b>	<b><u>86.932.630.842</u></b>	<b><u>6.161.651.905</u></b>	<b><u>3.704.366.419</u></b>	<b><u>331.635.982</u></b>	<b><u>140.231.823.777</u></b>

*(\*) Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 18.120.383.678 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc, thiết bị (*)</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	3.182.740.240	3.182.740.240
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.182.740.240</b>	<b>3.182.740.240</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	371.319.690	371.319.690
Khấu hao trong kỳ	159.137.010	159.137.010
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>530.456.700</b>	<b>530.456.700</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	2.811.420.550	2.811.420.550
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.652.283.540</b>	<b>2.652.283.540</b>

(\*) Đây là tài sản hình thành từ Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất (*)</b>	<b>Bản quyền, phần mềm</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
<b>Số đầu năm</b>	<b>6.628.429.473</b>	<b>468.973.406</b>	<b>7.097.402.879</b>
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.628.429.473</b>	<b>468.973.406</b>	<b>7.097.402.879</b>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	280.835.906	280.835.906
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.626.225.366	363.939.025	3.990.164.391
Khấu hao trong kỳ	149.862.942	11.758.590	161.621.532
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.776.088.308</b>	<b>375.697.615</b>	<b>4.151.785.923</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.002.204.107	105.034.381	3.107.238.488
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.852.341.165</b>	<b>93.275.791</b>	<b>2.945.616.956</b>

(\*) Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối năm theo sổ sách là 1.967.951.131 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (xem tại thuyết minh mục V.19).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>10.435.688.989</b>	<b>5.683.674.420</b>	<b>(5.258.453.620)</b>	-	<b>10.860.909.789</b>
Công trình xây nhà xưởng quốc lộ 1K	10.435.688.989	425.220.800	-	-	10.860.909.789
Sửa chữa, cải tạo lại mới Xưởng SX ống nhựa	-	5.258.453.620	(5.258.453.620)	-	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.435.688.989</b>	<b>5.683.674.420</b>	<b>(5.258.453.620)</b>	-	<b>10.860.909.789</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>119.551.202.025</b>	<b>119.551.202.025</b>	<b>124.005.378.467</b>	<b>124.005.378.467</b>
- Công ty TNHH CN Cao su Chính Tân VN	92.983.680.900	92.983.680.900	95.980.948.235	95.980.948.235
- Công ty TNHH Quốc tế Maxxis	5.279.661.174	5.279.661.174	3.489.443.129	3.489.443.129
- Công ty TNHH Nhựa TEP	2.534.937.012	2.534.937.012	2.080.014.982	2.080.014.982
- Công ty TNHH Hóa Chất AGC Việt Nam	3.349.500.000	3.349.500.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	15.403.422.939	15.403.422.939	22.454.972.121	22.454.972.121
<b>Cộng</b>	<b>119.551.202.025</b>	<b>119.551.202.025</b>	<b>124.005.378.467</b>	<b>124.005.378.467</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả cho các nhà cung cấp khác</b>	<b>281.170.788</b>	<b>803.496.613</b>
- Công ty TNHH Maxxis Rubber India Private	134.020.800	-
- Công ty TNHH Tatung	73.678.525	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên 3 BEST	-	131.039.462
- Công ty TNHH MTV SX TM Điện Thắng	-	114.745.360
- Các nhà cung cấp khác	73.471.463	482.446.111
<b>Cộng</b>	<b><u>281.170.788</u></b>	<b><u>803.496.613</u></b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT nội địa	138.012.122	-	46.668.699.100	(46.806.711.222)	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	7.133.914.191	(7.133.914.191)	-	-
- Thuế NK	61.209.683	-	2.085.996.424	(2.422.124.472)	-	274.918.365
- Thuế NK hàng bảo thuế	-	10.369.324	10.369.324	-	-	-
- Thuế TNDN	8.358.013.480	-	2.557.580.242	(8.358.013.480)	2.557.580.242	-
- Thuế TNCN	113.458.260	-	128.829.238	(209.525.232)	32.762.266	-
- Thuế khác	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.670.693.545</u></b>	<b><u>10.369.324</u></b>	<b><u>58.585.388.519</u></b>	<b><u>(64.930.288.597)</u></b>	<b><u>2.590.342.508</u></b>	<b><u>274.918.365</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.811.683.148	31.265.084.476
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	976.218.061	815.615.556
+ Chi phí không được trừ	976.218.061	815.615.556
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.787.901.209	32.080.700.032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>2.557.580.242</u></b>	<b><u>6.416.140.006</u></b>

**16. Phải trả người lao động**

Là lương tháng 6 còn phải chi.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	680.148.142	879.319.053
- Trích trước thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	152.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>832.148.142</u></b>	<b><u>879.319.053</u></b>

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác cho cá nhân, tổ chức khác</i></b>	<b><i>1.991.403.562</i></b>	<b><i>650.681.250</i></b>
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.439.115.400	474.191.000
- Bảo hiểm xã hội	371.462.197	4.701.239
- Các đối tượng khác	180.825.965	171.789.011
<b>Cộng</b>	<b><u>1.991.403.562</u></b>	<b><u>650.681.250</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>265.119.828.217</b>	<b>265.119.828.217</b>	<b>261.737.472.351</b>	<b>261.737.472.351</b>
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – CN Tp.HCM <sup>(1)</sup>	42.307.452.715	42.307.452.715	22.148.743.925	22.148.743.925
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn <sup>(2)</sup>	35.746.006.331	35.746.006.331	36.272.196.620	36.272.196.620
- Ngân hàng TMCPNgọại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương <sup>(3)</sup>	25.107.409.491	25.107.409.491	32.932.477.314	32.932.477.314
- Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP HCM <sup>(4)</sup>	64.960.746.586	64.960.746.586	56.281.461.555	56.281.461.555
- Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM <sup>(5)</sup>	33.582.796.826	33.582.796.826	48.795.062.470	48.795.062.470
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai <sup>(6)</sup>	39.373.228.868	39.373.228.868	30.452.171.750	30.452.171.750
- Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM <sup>(7)</sup>	22.469.099.400	22.469.099.400	5.625.377.120	5.625.377.120
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình <sup>(8)</sup>	1.573.088.000	1.573.088.000	-	-
- Ngân hàng Liên doanh Shinhan Vina – Chi nhánh Bình Dương	-	-	28.360.032.597	28.360.032.597
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>434.974.500</b>	<b>434.974.500</b>	<b>869.949.000</b>	<b>869.949.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>265.554.802.717</b>	<b>265.554.802.717</b>	<b>261.737.472.351</b>	<b>261.737.472.351</b>

<sup>(1)</sup> Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số VNM 160366 ngày 09/05/2016 và các Thư gia hạn thời gian của hợp đồng này. Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 ngày. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu số VNM CDT 080221/MR, hàng hóa trong kho số VNM CDT 080221/MS và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty số VNM 101460/L và bản sửa đổi số VNM 150752/L đối với quyền sử dụng đất tại Xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 39.567.903 đồng;

<sup>(2)</sup> Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 96.HDTD.VIB625.16 ngày 20 tháng 06 năm 2016. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do VIB phát hành (Xem T.Minh V.1.1); Hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.7);

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

---

- (3) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương, theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 020BA16 ngày 25 tháng 01 năm 2016. Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: tối đa 6 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số T751759 tọa lạc tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cấp - Nhựa Vĩnh Khánh (Xem T.Minh V.11) với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 1.928.383.228 đồng; Hợp đồng tiền gửi số 028CTA13 ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam phát hành (Xem T.Minh V.1.1); Quyền sử dụng đất số: CB908157 tọa lạc khu phố Bình Thung 1, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương của Ông Lâm Quy Chương cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Nam Bình Dương;
- (4) Ngân Hàng BPCE ( tên cũ là Ngân hàng Natixis ) – Chi nhánh TP HCM, theo Hợp đồng hạn mức tín dụng ngắn hạn số FCA-557845-2016 ngày 16/9/2016. Hạn mức tín dụng: 3.000.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: tối đa 5 tháng. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.2 và V.7);
- (5) Ngân Hàng Malayan Banking Berhad – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng tín dụng số số MBB/HCMC/LO/2016/VCOM/01 ngày 19/4/2016. Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Các khoản phải thu luân chuyển, hàng tồn kho bao gồm nguyên vật liệu chính, thành phẩm, hàng hóa luân chuyển tại ngày cuối năm (Xem T.Minh V.2 và V.7);
- (6) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số số 108/2016/HĐTD/DNI ngày 27/10/2016. Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: tối đa 6 tháng. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Số lượng 3.035.602 chứng khoán thuộc sở hữu của ông Lâm Quy Chương (Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) (Xem T.Minh VIII.6);
- (7) Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10220151214-01 ngày 14/12/2015. Hạn mức tín dụng: 1.500.000 USD. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: tối đa 4 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Đảm bảo cá nhân của Ông Lâm Quy Chương 1.500.000 USD;
- (8) Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số số 88/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016. Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VNĐ. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: tối đa 6 tháng. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp: Máy xoắn đôi + Chuyên máy kéo bọc liên hoàn Nokia C với tổng giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 6.199.195.655 đồng (Xem T.Minh V.7).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Tình hình biến động các khoản vay và nợ ngắn hạn trong kỳ như sau:**

	Số đầu năm	Tiền vay phát sinh	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	260.867.523.351	343.489.665.546	(339.237.360.680)	265.119.828.217
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	-	-	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	869.949.000	-	(434.974.500)	434.974.500
<b>Cộng</b>	<b>261.737.472.351</b>	<b>343.489.665.546</b>	<b>(339.672.335.180)</b>	<b>265.554.802.717</b>

**19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác	3.300.500.000	3.300.500.000	3.759.500.000	3.759.500.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình <sup>(1)</sup>	3.300.500.000	3.300.500.000	3.759.500.000	3.759.500.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	797.453.247	797.453.247	797.453.247	797.453.247
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease <sup>(2)</sup>	797.453.247	797.453.247	797.453.247	797.453.247
<b>Cộng</b>	<b>4.097.953.247</b>	<b>4.097.953.247</b>	<b>4.556.953.247</b>	<b>4.556.953.247</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản vay Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình, hợp đồng hạn mức tín dụng số 89/2016/HĐTDHM ngày 29/03/2016 và số 100/2016/HĐTD-DN ngày 29/3/2016 (Hạn mức: 20.000.000.000 VNĐ), với mục đích bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm: 3 dây chuyền sản xuất cáp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cáp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13. Tổng giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 30/06/2017 là 11.921.188.023 đồng.

<sup>(2)</sup> Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số C150807102 ngày 06/11/2015 giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease với Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh.

**Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống <sup>(*)</sup>	434.974.500	869.949.000
Trên 1 năm đến 5 năm	797.453.247	797.453.247
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.232.427.747</b>	<b>1.667.402.247</b>

<sup>(\*)</sup> Khoản trả nợ thuê tài chính dưới 1 năm được trình bày ở khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" trên Bảng cân đối kế toán (Xem T.Minh V19.1).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Trả/Kết chuyển sang nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn	3.759.500.000	-	(459.000.000)	3.300.500.000
Nợ thuê tài chính	797.453.247	-	-	797.453.247
<b>Cộng</b>	<b>4.556.953.247</b>	<b>-</b>	<b>(459.000.000)</b>	<b>4.097.953.247</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu năm	2.786.473.947	2.063.235.335
- Trích lập trong kỳ	4.019.114.261	4.530.876.720
- Tăng khác trong kỳ	1.000.000	-
- Sử dụng trong kỳ	(1.387.400.000)	(2.216.704.108)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.419.188.208</b>	<b>4.377.407.947</b>

**21. Vốn chủ sở hữu****21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Quý II năm 2016	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	130.000.000.000	-	13.924.626.068	26.179.856.200	170.104.482.268
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ	-	-	-	23.868.451.924	23.868.451.924
- Phân phối trong năm	-	-	-	(24.030.876.720)	(24.030.876.720)
<b>Số dư ngày 30 tháng 06 năm 2016</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.924.626.068</b>	<b>26.017.431.404</b>	<b>169.942.057.472</b>
Quý II năm 2017	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	200.000.000.000	11.384.120.000	13.924.626.068	42.340.122.086	267.648.868.154
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ	-	-	-	8.702.176.678	8.702.176.678
- Phân phối trong năm	-	-	-	(34.019.114.261)	(34.019.114.261)
<b>Số dư ngày 30 tháng 06 năm 2017</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>11.384.120.000</b>	<b>13.924.626.068</b>	<b>17.023.184.503</b>	<b>242.331.930.571</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	130.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	130.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(28.875.075.600)	-

**21.3 Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu)	10.000	10.000

**21.4 Phân phối lợi nhuận**

<b>Số dư đầu năm</b>	42.340.122.086
Tăng từ kết quả kinh doanh trong kỳ	8.702.176.678
Giảm trong kỳ <sup>(*)</sup>	(34.019.114.261)
+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 2016	(4.019.114.261)
+ Cổ tức phải trả năm 2016	(30.000.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.023.184.503</b>

<sup>(\*)</sup> Khoản trích giảm trong kỳ căn cứ theo Nghị quyết số 135/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2017 ngày 22/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu thành phẩm	156.089.561.044	199.980.600.792
- Doanh thu hàng hóa	364.702.339.348	376.545.660.531
<b>Cộng</b>	<b><u>520.791.900.392</u></b>	<b><u>576.526.261.323</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn thành phẩm	154.813.928.991	159.755.680.770
- Giá vốn hàng hóa	326.417.755.787	356.041.662.032
- Dự phòng giảm giá Hàng tồn kho	1.343.073.776	1.271.717.600
<b>Cộng</b>	<b><u>482.574.758.554</u></b>	<b><u>517.069.060.402</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.802.773.172	874.161.447
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối	929.396.526	105.500.628
- Lãi từ cho vay cá nhân	879.091.000	-
- Doanh thu tài chính khác	63.621.387	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.674.882.085</u></b>	<b><u>979.662.075</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay	9.529.189.902	9.358.527.583
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	272.179.478	448.391.057
- Chi phí tài chính khác	55.731.108	88.354.195
<b>Cộng</b>	<b><u>9.857.100.488</u></b>	<b><u>9.895.272.835</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	4.788.207.838	4.166.626.395
- Chi phí công cụ, dụng cụ	7.603.233	1.980.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	436.939.055	389.252.882
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.783.263.921	6.047.188.430
- Các chi phí khác	380.530.107	130.782.290
<b>Cộng</b>	<b><u>10.396.544.154</u></b>	<b><u>10.735.829.997</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.039.744.474	2.911.341.036
Chi phí công cụ dụng cụ	204.492.090	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	399.190.128	404.763.649
Thuế, phí lệ phí	63.929.457	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	16.003.810	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(244.819.190)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.649.815.838	4.673.070.442
Các chi phí khác	886.623.323	809.642.469
<b>Cộng</b>	<b><u>10.014.979.930</u></b>	<b><u>8.798.817.596</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chênh lệch từ thanh lý TSCĐ	90.909.090	331.375.267
Thu nhập khác	215.276.159	2.518.321
<b>Cộng</b>	<b><u>306.185.249</u></b>	<b><u>333.893.588</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí phạt chậm nộp thuế	35.087.685	59.033.541
Chi phí khác	82.813.767	16.718.139
<b>Cộng</b>	<b><u>117.901.452</u></b>	<b><u>75.751.680</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	551.926.228	980.492.546
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>551.926.228</u></b>	<b><u>980.492.546</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.702.176.678	23.868.451.924
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(870.217.668)	(2.386.845.192)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.831.959.010	21.481.606.731
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	20.000.000	13.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>392</b>	<b>1.652</b>

(\*) Kỳ này: là số tạm tính bằng 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Kỳ trước: là số trích tính bằng 10% lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số số 135/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2017 ngày 22/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.702.176.678	23.868.451.924
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(870.217.668)	(2.386.845.192)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.831.959.010	21.481.606.731
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (CP)	20.000.000	13.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cp)</b>	<b>392</b>	<b>1.652</b>

**Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	20.000.000	13.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:		
- Trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện	-	-
- Các quyền chọn đã được mua	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>20.000.000</b>	<b>13.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	281.048.622.479	188.768.427.107
- Chi phí nhân công	16.126.746.691	14.286.153.326
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.482.714.816	8.296.708.547
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.210.939.406	18.716.012.585
- Chi phí khác	1.305.832.836	951.843.141
<b>Cộng</b>	<b><u>333.174.856.228</u></b>	<b><u>231.019.144.706</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)****1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	343.489.665.546	392.755.345.884
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>343.489.665.546</u></b>	<b><u>392.755.345.884</u></b>

**2. Tiền trả nợ gốc vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(339.696.360.680)	345.311.787.300
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	(434.974.500)	(434.974.500)
<b>Cộng</b>	<b><u>(340.131.335.180)</u></b>	<b><u>(345.746.761.800)</u></b>

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)****1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

**2. Nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản nợ tiềm tàng.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**3.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt(\*)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập đã phát sinh trong kỳ	1.193.249.000	971.920.000
Cổ tức	7.200.000.000	5.472.903.000

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty.

### 3.2 **Giao dịch và số dư với Ông Lâm Quy Chương – Hiện là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty.**

#### 3.2.1 **Các giao dịch thực hiện trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Cho vay	15.000.000.000	5.000.000.000
- Thu tiền cho vay	15.000.000.000	-
- Trả trước tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	15.403.500.000	-
- Thu tiền tạm ứng	-	225.000.000
- Phải thu khác	504.091.000	-

#### 3.2.2 **Số dư cuối kỳ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	15.403.500.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	1.196.835.768	692.744.768

#### 3.2.3 **Bảo đảm cá nhân của Ông Lâm Quy Chương**

Trong kỳ ông Lâm Quy Chương đã dùng tài sản cá nhân để đảm bảo các khoản vay ngân hàng cho Công ty, chi tiết như sau:

- Quyền sử dụng đất số CB908157 tại khu phố Bình Thung 1, Phường Bình An, TX. Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương (Thuyết minh số V.19);
- Quyền sở hữu 3.035.602 cổ phiếu VKC với giá theo định giá của ngân hàng là 12.581 đồng/CP cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai (Thuyết minh số V.19);
- Đảm bảo cá nhân của Ông Lâm Quy Chương với số tiền 1.500.000 USD cho khoản vay của Ngân hàng TNHH United Overseas – CN Tp.HCM (Thuyết minh số V.19);

## 4. **Báo cáo bộ phận**

Thông tin Báo cáo bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### **Lĩnh vực kinh doanh**

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm:

- Thành phẩm: bao gồm cấp, nhựa.
- Hàng hóa: là vỏ xe.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

**➤ Kỳ này**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thành phẩm</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.089.561.044	364.702.339.348	520.791.900.392
Giá vốn hàng bán	154.813.928.991	326.417.755.787	481.231.684.778
Dự phòng giảm giá	-	-	1.343.073.776
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.275.632.053</b>	<b>38.284.583.561</b>	<b>38.217.141.838</b>

**➤ Kỳ trước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Thành phẩm</b>	<b>Hàng hóa</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	199.980.600.792	376.545.660.531	576.526.261.323
Giá vốn hàng bán	159.755.680.770	356.041.662.032	515.797.342.802
Dự phòng giảm giá	-	-	1.271.717.600
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>40.224.920.022</b>	<b>20.503.998.499</b>	<b>59.457.200.921</b>

**Khu vực địa lý****➤ Kỳ này**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	464.503.299.889	56.288.600.503	520.791.900.392
Giá vốn hàng bán	430.416.770.351	52.157.988.203	482.574.758.554
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>34.086.529.538</b>	<b>4.130.612.300</b>	<b>38.217.141.838</b>

**➤ Kỳ trước**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Nội địa</b>	<b>Xuất khẩu</b>	<b>Cộng</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	522.601.971.695	53.924.289.628	576.526.261.323
Giá vốn hàng bán	467.553.217.307	48.244.125.495	515.797.342.802
Dự phòng giảm giá	-	-	1.271.717.600
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>55.048.754.388</b>	<b>5.680.164.133</b>	<b>59.457.200.921</b>

**5. Tài sản đảm bảo****➤ Công ty đã thế chấp:**

- Hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam phát hành với tổng số tiền là 14.299.458.392 đồng cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Sài Gòn (Thuyết minh V.1.1);
- Hợp đồng tiền gửi của Công ty do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành với tổng số tiền là 11.682.289.303 đồng cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN KCN Bình Dương (Thuyết minh V.1.1);
- Quyền sử dụng đất số BA 179285 của Công ty, tại phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với nguyên giá theo sổ sách là 46.402.355 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP - NHỰA VĨNH KHÁNH**

Địa chỉ: Số 854, Quốc lộ 1K, Khu phố Châu Thới, Phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

---

- 39.567.903 đồng cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh V.11 và V.19);
- Quyền sử dụng đất số 243/QĐĐ/2003 (phần còn lại) với nguyên giá theo sổ sách là 5.142.355.268 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 1.928.383.228 đồng cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương (Thuyết minh V.11 và V.19);
  - Máy móc thiết bị gồm: Chuyên máy kéo bọc Liên Hoàn Nokia C và Máy xoắn đôi với tổng nguyên giá là 16.341.092.469 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 6.199.195.655 đồng cho khoản vay ngắn hạn của Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình (Thuyết minh V.9 và V.19);
  - Nợ phải thu luân chuyển (Thuyết minh V.2);
  - Hàng tồn kho luân chuyển (Thuyết minh V.7);
  - 3 dây chuyền sản xuất cáp phi 60; 2 dây chuyền sản xuất cáp phi 50; 2 máy đùn nhựa phi 60; dây chuyền sản xuất tấm form PVC; máy in tấm form PVC; Dây chuyền kéo bọc liên hoàn; 2 xe ô tô tải 3,5 tấn; Xe ô tô Subaru số 61A - 254.31; Xe ô tô tải Hino số 61C-149.79; Xe Nissan số 60C - 153.13 với tổng nguyên giá theo sổ sách là 25.974.610.068 đồng và giá trị còn lại tại ngày 30/06/2017 là 11.921.188.023 đồng cho khoản vay dài hạn của Ngân Hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình (Thuyết minh V.9).

Công ty không còn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được lập trong Báo cáo sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng có bản chất bất thường nào trong giai đoạn từ cuối kỳ tài chính kết thúc cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

*Bình Dương, ngày 15 tháng 08 năm 2017.*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**